

THÔNG TIN VỀ NGUỒN GEN CÂY TRỒNG ĐỀ NGHỊ XUẤT (HOẶC NHẬP)
INFORMATION OF THE PLANT GENETIC SOURCE PROPOSED TO BE EXPORTED/IMPORTED

(Kèm theo Đơn số: ngày tháng năm 20) Enclosed with the letter No.date.....)

T T	Tên nguồn gen xuất/nhập ⁽¹⁾	Tên khoa học	Thuộc loài	Nguồn gốc ⁽²⁾	Tháng, năm thu thập, nhập nội, lai tạo	Cơ quan đang lưu giữ giống	Vật liệu trao đổi	
							Thể loại ⁽³⁾ (cây, mắt ghép, hạt, củ, quả, hom....)	Số lượng
1		Scientific name	Species	Original	Date collected, imported, created	Conservation Organization	Material: seeds, budwood, plant, cuttings...	Quantity of import/export
...								

⁽¹⁾ Nguồn gen thuộc (Genetic source belonged to):

☐ Danh mục nguồn gen (giống) cây trồng quý hiếm cấm xuất khẩu (ban hành kèm theo Quyết định số..., ngày... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT) (List (variety) of the special crops forbidden to be exported)

☐ Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm trao đổi quốc tế trong trường hợp đặc biệt (ban hành kèm theo Quyết định số... ngày... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT); (List of special crops that can be exchange internationally only in special case (promulgating enclosed with the Decree No.of Minister of Ministry of the Agriculture and Rural Development)

☐ Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm hạn chế trao đổi quốc tế (ban hành kèm theo Quyết định số..., ngày... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT); (List of special crops that are limited to be exchanged internationally)

☐ Không thuộc các Danh mục trên (Not belong to above list)

⁽²⁾ - Nguồn gen thu thập trong nước: Huyện, tỉnh nơi thu thập. (Crops source collected in Vietnam)

- Nguồn gen nhập nội: Nhập từ cơ quan quốc tế hoặc vùng lãnh thổ nào. (Imported crops – from where it is imported)

- Nguồn gen lai tạo trong nước: Tên tổ hợp lai và thế hệ (F) nào. (Released in country: name of crossing lines and generation)

⁽²⁾ - Nguồn gen trao đổi bằng hạt: Số gam hoặc số hạt. (Genetic source exchanged by true seed: weight or number of seed)

- Nguồn gen trao đổi bằng các bộ phận khác: số cây, mắt ghép, hom, củ, quả, ống nghiệm (với nguồn gen lưu giữ in-vitro).

(Genetic source exchanged by other parts of the plants: number of plants, haulm, tuber, pod....or number of tubes- used for the genetic sources conserved by in-vitro.

